

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỞ

QUYỂN 15

PHẨM 19: THÁNH HẠNH (PHẦN 3)

Đầu quyển nói rộng về Tập Đế, Văn có ba:

- 1/ Nói về Tập đế.
- 2/ Hội thông.
- 3/ Phân biệt.

1. Nói về Tập đế lại có ba là: a) Nêu tên, b) Giải thích thể, c) Nói về đúng sai. Trong phần nêu tên, trước là lập chương môn. Sau là giải thích Tập nhân, có thể sinh Tập quả nên nói là nhân duyên của các ấm.

Từ câu “Tập nghĩa v.v...” trở xuống là thứ hai giải thích thể. Giáo xưa lấy nghiệp phiền não làm Tập. Trong phiền não có mười kết sử. Nay chỉ nói về phiền não, chẳng nói về gốc của nghiệp vốn là phiền não, phiền não nhuận nghiệp. Trong phiền não chỉ nói về tham ái. Ái là hoặc nhuận nghiệp trói buộc trong các cõi, cho nên phải chịu sinh tử.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Không nghiệp, không phiền não thì Khổ đế không có trụ, vô minh không thể hiện hành, bình đẳng thực hành ở thế gian”.

Mười hai nhân duyên chẳng sinh chẳng diệt là bình đẳng mới gọi là Tập đế. Trong đây có bảy phần luận bàn. Thứ nhất, nói về Tập nhân, quả đã khởi tức là trong năm ấm đã hình thành ái. Kinh nói: “Trở lại ái hữu này” tức là ái thân năm ấm.

Thứ hai, “Ái có hai loại v.v...” trở xuống là nói về hai loại ái. Thân mình tức là ngã, vật cần dùng tức là ngã sở. Thứ ba, lại nêu hai loại ái là muốn được và đã được.

Thứ tư, tức là ái trong ba cõi.

Thứ năm, nói ba loại ái. Nghiệp nhân duyên ái lấy báo làm nhân nên với lấy quả khổ. Như bồ câu, chim sẻ nặng về dục, đều là quả của nghiệp nhân đời trước chiêu cảm thành. Phiền não nhân duyên ái vì

Tập nhân cho nên sinh ái, rất dễ hiểu. Kế là khổ nhân duyên ái, vì tho-át khổ lớn mà sinh ái đối với khổ nhỏ. Như sợ khổ chết mà chữa lành bệnh, nhưng phương pháp chữa thật là đau đớn, do đây mà bệnh lành liền sinh tâm ái.

Thứ sáu, nêu bốn ái tức là bốn việc.

Thứ bảy, nêu năm loại ái và năm ấm.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là thứ ba, nói về đúng sai.

Nếu bất thiện ái thì đó là Tập, nếu là thiện ái thì đó chẳng phải Tập. Trong đó lại có ba phần phân biệt dứt trừ. Thứ nhất là dùng Thánh đối với phàm để phân biệt. Kế là nêu Bồ-tát đối Nhị thừa để phân biệt. Thứ ba, là dùng đế và phi đế để phân biệt.

Cho nên nói “ái của phàm phu gọi là Tập, chẳng gọi là Đế. Ái của Bồ-tát gọi là Thật đế, chẳng gọi là Tập”. Sở dĩ ái của Bồ-tát gọi là Thật đế chẳng gọi Tập là y cứ theo trí giải. Phàm phu chẳng như thế nên gọi là Tập. Nếu lấy theo nghĩa này thì Tục chẳng gọi là Đế. Nếu so sánh với sự thấu suốt thì được gọi là Đế, nếu tùy theo thế tình thì gọi là Tục.

2. Hội thông:

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là phần hội thông. Xưa hoặc nghiệp là Tập; nay vì sao chỉ nói là ái là nhân của khổ. Trước là hỏi, sau là đáp. Trong phần hỏi, trước dẫn bốn kinh, kế là nêu câu hỏi.

Đầu tiên là dẫn kinh nói sáu xúc, tức sáu thức chấp lấy trần cảnh mà sinh ra sáu xúc đối, đây cũng là tập duyên, do thức tâm này mà dẫn sinh ra quả ở vị lai. Như trụ xứ của bốn thức là năm ấm lấy lừng.

Từ câu “Vì sao? v.v...” trở xuống là chính thức kết thành câu hỏi.

Kế là, Đức Phật đáp có hai: trước là khen lời hỏi, sau là đáp. Thứ nhất như văn kinh ghi.

Trong phần đáp ý nói giáo xưa giáo nay không trái nhau, cho nên nói: “Ngày hôm nay nói ái là gốc của ấm giới, tức là y cứ theo giáo nay”. Văn có hai: Một, nói ái là căn bản; hai, nói tội khổ của ái. Về căn bản có pháp thuyết và dụ thuyết.

Gồm ba dụ: đại vương, áo dơ và đất ẩm, như văn rất dễ hiểu.

Từ câu “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nói về tội khổ của ái. Có hai: Một là nêu chương; hai là giải thích rộng.

Giải thích cũng có chín chương đều chia ra hợp và dụ. Một chương đầu là vì Nhị thừa mà lập dụ; tám chương sau là vì phàm phu mà lập dụ.

Thứ nhất như văn kinh.

Nhị thừa chưa dứt trừ tập khí như chưa trả hết nợ. Tám chương sau vì phàm phu mà lập dụ. Y theo văn kinh rất dễ hiểu.

3. Phân biệt:

Từ câu “Vì nghĩa này v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, phân biệt chọn lọc.

Khổ Tập là nhân quả thế gian đã nói xong, đối với khoảng giữa của bốn Đế (sau Khổ Tập, trước Diệt Đạo) mà kết luận khổ tập hữu tác ở trước và phát khởi bốn Đế vô sinh ở sau. Quên trước tức quên sinh tử, quên sau tức quên Niết-bàn, y cứ vào sinh diệt trong văn này mà liệu giản, khiến cho ba phần là thứ hai, thứ ba và thứ tư được hiển bày (ba phần: Là bốn Đế vô sinh, bốn Đế vô lượng và bốn Đế vô tác). Vì sao? Vì nếu thấy có khổ thì có khổ sinh, nếu có khổ sinh thì có khổ diệt. Đã biết khổ tức không có khổ, thì khổ sẽ không sinh, khổ không sinh thì khổ không diệt.

Kinh Đại Phẩm ghi: “Ngay nơi sắc là không, chẳng phải sắc diệt rồi mới không. Tánh sắc tự không, trong không thì vô sinh vô diệt”.

Kinh Tịnh Danh ghi: “Năm thọ ấm rỗng rang, là không, chẳng có sinh khởi, đó là nghĩa khổ”.

Nếu như thế thì biết khổ tức không khổ mà có chân đế. Tập từ khổ sinh, đã biết khổ tức không khổ thì đâu có tập, biết tập thì không có tập là chân đế. Khổ tập đã diệt thì gọi là Diệt đế. Diệt vốn chẳng sinh thì nay chẳng diệt, đó biết là diệt tức không diệt mà có Chân đế.

Đạo là để biết Khổ Tập, đã không có gì để trị cũng không có phép trị nên Đạo chẳng hai, đó là biết Đạo tức chẳng đạo mà có Chân đế.

Lại nhờ vào khoảng giữa của bốn Đế để phân biệt vô sinh, nghĩa là nói hai bên vô sinh. Nhân quả thế gian đã chẳng sinh; nhân quả xuất thế gian cũng chẳng sinh thì không có bốn Đế. Đã biết Khổ Tập thế gian thì không có Khổ, Tập, cũng biết Diệt Đạo, xuất thế cũng không có Diệt Đạo, đó là bốn Đế vô sinh, ý này thật vô lượng chỉ nói lược mà thôi. Nếu muốn phân biệt nêu phần thứ ba, tức biết khổ tức không khổ mà có thật, thì y cứ vào thật. Trong đó lại có hai ý là thứ lớp thật và chẳng thứ lớp thật. Thứ lớp thật là bốn Đế vô lượng, chẳng thứ lớp thật là bốn Đế vô tác. Lại y cứ vào đó mà phân biệt bốn Đế. Gồm bốn chương. Chương thứ nhất là phân biệt khổ.

Có hai bản nói khác nhau. Bản xưa nói phàm phu, Thanh văn, Duyên giác đều có Khổ đế. Bản mới san định thì trong Tập đế chia phàm phu và Nhị thừa thành hai hạng khác nhau, phàm phu chỉ có khổ,

không có đế, Nhị thừa thì có khổ có đế. Ở đây đối với Nhị thừa thì gồm cả cho và đoạt. Xưa nói Khổ là cảnh, Đế là trí. Phạm phu vô trí chỉ có cảnh, vì vậy chỉ có khổ không có đế. Nhị thừa có chút phần trí, nên có khổ và đế, mà không có chân đế. Vì thế chẳng thể quán khổ, biết khổ tức không khổ, nên chẳng chân thật. Về Tập đế thì cũng giống như thế.

Hai đế là Đạo và Diệt chẳng nói về phạm phu, vì chỉ có ở Nhị thừa và Bồ-tát. Đạo diệt có chân nguyện khác nhau, vì Nhị thừa chẳng thể quán Diệt đế chẳng phải Đế, nên chẳng phải Chân, còn Bồ-tát thì biết rõ, nên đạt được chân thật.

Từ câu “Này thiện nam” trở xuống là nói rộng về Diệt đế, tuy Diệt Đạo nhờ vào trung gian của sinh diệt để phân biệt, nhưng vì sinh diệt Diệt đạo chưa giải thích, nên lại giải thích, còn ba loại bốn Đế khác như bốn Đế vô sinh... sau sẽ giải thích rộng, kể là giải thích Diệt đế. Văn có ba ý: Thứ nhất, nêu hai chương, kể đến giải thích ba kết.

Nêu hai môn quán diệt và Diệt đế. Nếu quán diệt tức là chương đoạn, quán Diệt đế là chương xa lìa. Nhị thừa nguội thân bất trí diệt chỉ có hai việc đoạn lìa, còn Bồ-tát đầy đủ trí đức, v.v...

Từ câu “Cái gọi là đoạn v.v...” trở xuống là giải thích tám chữ đầu về quán diệt đế.

Sự dứt hoặc này, không thể lấy đó làm đoạn.

Từ câu “Nếu phiền não v.v...” trở xuống là giải thích chương quán Diệt đế, gồm có dụng và thể.

Trong dụng gồm có năm câu: bốn câu đầu là bốn đức, có chỗ nói là năm đức, nay nói bốn đức là nói theo dụng.

Thứ hai, từ câu “Đối với sắc thanh v.v...” trở xuống là y cứ theo rốt ráo vắng lặng, là nói theo thể.

Thứ ba, từ câu “Này thiện nam! Bồ-tát, v.v...” trở xuống là kết luận như văn kinh ghi.

Trong phần giải thích có dụ và hợp.

Nói nhờ đèn sáng là dụ cho tám Chánh đạo, nhưng đèn sáng chiếu soi vật, vật tuy thường và vô thường khác nhau, nhưng rốt cuộc chỉ một đường mà tùy duyên nên nói khác.

Nói Đà-la-phiêu: Hà Tây cho là chân thật đế, Cầu-na là trang nghiêm, anh lạc công đức v.v... Xưa nói là chủ đế, y đế. Phi-đà-na tức là phi chân, phi Cầu-na tức là phi tục.

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là phần thứ hai hội thông. Khi xưa Phật nói nhiều thuyết khác nhau, nay chỉ nói tám đạo.

Vì thế phải hội thông. Văn kinh có hai đoạn là hỏi và đáp. Trong đoạn hỏi có hỏi và bắt bẻ. Hỏi có ba: một, nói chẳng tương ứng; hai, giải thích chẳng tương ứng; ba, kết luận chẳng tương ứng.

Đầu tiên như văn kinh. Kế là giải thích. Nêu mười bốn kinh mà phần nhiều là giáo A-hàm, v.v... từ tín tâm cho đến bố thí, nói đều là Đạo nhưng có khác nhau.

Kế là từ câu “Bạch Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống là bắt bẻ, gồm có ba:

1. Dùng nay bắt bẻ xưa.
2. Dùng xưa chất vấn nay.
3. Kết luận thành lỗi.

Văn thứ nhất cho rằng nếu xưa đúng thì nay sai.

Thứ hai, cho nay là đúng, vì sao khi xưa chẳng thấy nói đến.

Thứ ba kết luận, như văn kinh ghi.

Phật đáp có hai phần, trước là khen.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là chánh đáp.

Ý trong phần pháp thuyết là theo căn cơ khác nhau, nên nói có khác nhau, hợp tất cả đều là một Đạo để, cho nên lý đồng.

Từ câu “Thí như thầy thuốc, v.v...” trở xuống là dụ thuyết, có sáu dụ: Thầy thuốc, ống nước, thợ bạc (thợ kim hoàn), đốt lửa, một thức, một sắc. Tất cả đều có trước dụ sau hợp. Thứ nhất dụ thầy thuốc, rất dễ hiểu.

Hà Tây cho rằng Ni-bà-la là nấu nước cây Ha-lê, Bát-trú-la là nấu nước lá cây này thành thuốc, nên lấy tên cây làm tên nước uống.

Nói Ba-ni, đây là một loại nước ở Đông Thiên Trúc. Có kinh ghi là Uất-trì, nay chưa nhất định được, nhưng từ lâu đã truyền ghi là Uất-đặc. Sa-lị-lam là một loại thức uống ở Trung Thiên Trúc. Ba-lợi là một loại thức uống của Thanh Luận sư. Ba-da là nước có hòa thuốc.

Thứ ba, dụ thợ kim hoàn.

Nói năm loại là Tín hành cho đến Kiến đạo, tức Tín hành và Pháp hành, người trong kiến đế đạo. Tín giải là Kiến đạo cũng gọi là Kiến đặc, là người trong tư duy đạo. Bốn người trong hai đạo mỗi đạo chia làm lợi và độn, vào tư duy lại thành tín giải độn. Pháp hành thì rất dễ hiểu. Xem qua như thế, nếu thường tập thì thành lợi, chẳng tu tập thì độn, qua lại chẳng nhất định. Có vài người cho rằng mười lăm tâm là Kiến đế đạo; mười sáu tâm trở lên là Tư duy đạo. Các Luận gia thì chẳng như thế, cho mười sáu tâm đều là Kiến đế đạo. Các Luận gia chia ra lợi độn trong năm pháp quán dừng tâm. Trong đó nhập kiến đạo

không có lợi độn. Thí như nước lặng yên, tùy ý bơi thuyền hoặc nhanh hoặc chậm, khi thuận gió xuôi dòng thì không có lợi độn. Ba văn còn lại rất dễ hiểu.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, tổng kết.

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật, v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba nói về vô lượng tứ Thánh tuệ. Có ba đoạn: một, nói về vô lượng vô lượng; hai, kết thành bốn vô lượng tuệ; ba, kết thành hai vô lượng.

Có người cho rằng văn này hội thông bốn đế. Khai Thiện cho rằng đây là nhiếp pháp tận, chẳng tận. Ở đây cho là chương vô lượng vô lượng tuệ. Thứ nhất như văn kinh hỏi đáp.

Trong phần hỏi, trước là nêu việc, xưa nói lá cây trên mặt đất là dụ cho vô lượng vô lượng. Lá trong tay ít là dụ cho hữu tác vô sinh. Nên biết, trước kia người nói thì ít, người chẳng nói thì nhiều. Nhiều như thế, Tứ đế gồm thấu tất cả. Nếu gồm thấu tất cả thì chẳng nên nói là nhiều, nếu chẳng gồm thấu tất cả thì lẽ ra có đế thứ năm.

Phật đáp là vừa gồm thấu tất cả vừa chẳng gồm thấu tất cả, đều gọi là bốn Đế. Danh nhiếp thì phân biệt hết tất cả tướng mạo, kia chẳng nói nhiếp thì chẳng tận tất cả. Vì danh đồng mà nghĩa thì khác nên có tận và chẳng tận. Nay Đức Phật đáp là dùng danh để gồm thấu từ trước, cho gồm thấu hết tất cả.

Từ câu “Ca-diếp lại bạch v.v...” trở xuống là quy kết vô lượng vô lượng làm bốn vô lượng tuệ. Văn kinh gồm có hỏi và đáp.

Trong phần đáp có hai, đầu tiên chỉ y cứ để nói về trí, kể đến là giải thích tướng của đế. Đầu tiên như văn kinh ghi.

Nếu nói đủ về đế trí thì phải có ba phẩm. Nhưng hạ phàm chẳng cần nói, nên không bàn đến, chỉ nêu bậc trung và bậc thượng. Nếu y cứ vào pháp thì phải nêu bốn loại Tứ đế để sắp xếp trung thượng. Hữu tác và Vô sinh như trước đã nói, còn vô lượng thì nay sẽ nói. Nói vô lượng thì chẳng phải vượt ngoài bốn Đế mà chỉ là nói đến một loại bốn Đế khác. Cho nên văn kinh ghi: “Phân biệt so lường có vô lượng chủng loại”. Nếu nói đến cùng tận thì từ địa ngục cho đến Phật, từ phàm đến Thánh, tất cả năm ấm đều khác nhau. Trong mỗi ấm lại chia ra có vô lượng giới và nhập, Thanh văn, Duyên giác đâu thể biết được vô lượng khổ đế này. Lại từ địa ngục cho đến Phật, hành nghiệp đều khác nhau, mỗi hành nghiệp lại chia ra tính lường có vô lượng loại, Thanh văn, Duyên giác cũng chẳng thể biết được vô lượng Tập đế này. Lại từ địa ngục cho đến Phật nên dùng thân nào, nên nói pháp gì để giúp cho họ tu học. Mỗi pháp của thân phân biệt so lường có vô lượng pháp môn

làm quyến thuộc; Thanh văn, Duyên giác cũng chẳng thể biết được đó là vô lượng đạo đế. Lại từ địa ngục cho đến Phật, khi được Giải thoát do nhân duyên khác nhau nên mỗi Giải thoát lại có vô lượng Giải thoát. Phân biệt so lường lại vô lượng như thế thì hàng Thanh văn, Duyên giác cũng chẳng thể biết được vô lượng Diệt đế. Bốn cảnh đã khác thì hữu tác vô sinh, trí của Nhị thừa cũng chẳng thể đạt đến. Tên gọi đồng khác là tướng bốn Đế, như mặt đất chỉ một tên mà có vô lượng, tướng của nó rộng lớn nay sẽ nói lượt.

Trong phần chánh thức nói về bốn Đế có bốn chương. Đầu tiên là nói về Khổ đế, trong đó kinh chỉ y cứ theo ấm, nhập, giới và lập lại về ấm, để nói lược tướng khổ. Đầu tiên là nói về ấm.

Kinh nói: “Biết các ấm khổ là người Trung trí, phân biệt được các ấm có vô lượng tướng là người Thượng trí”. Vậy làm sao phân biệt được ấm sáu đường? Ấm nghĩa là ngăn che, tức ngăn che pháp lành trời người và pháp lành vô lậu. Ngăn che pháp lành trời người thì đọa vào ba đường. Ngăn che pháp lành vô lậu thì luân hồi trong các cõi. Ấm của Nhị thừa thì ngăn che đức và đẳng, ngăn che bốn đẳng tâm thì không thể giáo hóa chúng sinh, ngăn che bốn đức thì chẳng thể đến đảo châu báu. Ấm của Bồ-tát thì ngăn che sinh tử và Niết-bàn, ngăn che sinh tử thì dùng đại bi nhỏ gốc khổ, ngăn che Niết-bàn thì khởi đại Từ ban vui. Ấm của Phật thì ngăn che Sự Lý pháp giới. Ngăn che Sự thì Ứng thân thích ứng khắp các loại căn cơ; ngăn che Lý thì Pháp thân biến hiện khắp tất cả cõi. Vả lại, ấm của sáu đường là khổ, ấm Nhị thừa là lạc, ấm Bồ-tát là song thị, ấm của Phật là song phi. Phân biệt như thế Nhị thừa đâu thể biết được.

Biết các ấm khổ gọi là trung trí, phân biệt các ấm có vô lượng tướng là bậc Thượng trí, làm thế nào để phân biệt sáu đường, gọi là nhập môn, cũng gọi là hội nhập. Tức nhãn căn và sắc trần hội nhập hữu vi cho đến ý căn và pháp trần hội nhập hữu vi. Nhập của Nhị thừa là nhập vô thường vô ngã, hội nhập vô vi. Nhập của Bồ-tát tức nhãn căn nhập vào thí và hội nhập Đàn ba-la-mật cho đến ý căn cũng giống như thế. Nhãn căn nhập vào các môn giới, nhãn, tinh tấn, thiền và tuệ, hội nhập vào các Ba-la-mật, cho đến ý căn cũng giống như thế. Nhập của chư Phật tức là Phật nhãn nhập vào phổ môn, nhập vào Từ, Bi, Hỷ, Xả của pháp giới, pháp giới cảm ứng mà hội nhập biến Nhất thiết trí, cho đến ý căn cũng giống như thế. Trong các kinh nói sáu căn là môn tịch tĩnh, môn bình đẳng, nghĩa này rất nhiều, v.v... Vả lại nhập của sáu đường là nhập môn khổ, nhập của Bồ-tát là nhập vào môn vừa vui vừa

khổ, nhập của chư Phật là vào môn chẳng phải vui chẳng phải khổ.

Biết phần, tánh của giới gọi là Trung trí, phân biệt các giới có vô lượng tướng gọi là Thượng trí, làm sao phân biệt được? Tánh phần nhãn giới của sáu đường chỉ thấy sắc, chẳng thể nghe được âm thanh. Tánh phần của cõi sắc chỉ đối với nhãn căn chẳng thể đối với nhĩ căn. Cho đến tánh phần ý giới chỉ có thể biết pháp, chứ chẳng thể thấy nghe. Tánh phần của pháp giới chỉ đối với ý căn, chẳng thể đối với nhãn căn, nhĩ căn.

Giới của Nhị thừa, thì tánh phần của nhãn giới chỉ là vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng được thường lạc cho đến ý giới cũng giống như thế. Giới của Bồ-tát, thì tánh phần của nhãn giới chỉ thấy sắc không, chẳng thể tức không tức giả tức trung, cho đến tánh phần của ý giới chỉ có thể tức không, chẳng thể tức trung tức giả. Giới của Phật thì nhãn là tánh phần của pháp giới pháp tánh, thấy được sắc, nghe được thanh, ngửi được mùi, phân biệt vị, biết xúc chạm, rõ các pháp, tức không tức giả tức trung, không thể nghĩ bàn, đầy đủ tất cả vô lượng Phật pháp, cho đến ý cũng giống như thế.

Vả lại sáu đường lấy khổ làm giới, Nhị thừa lấy vui làm giới, Bồ-tát lấy vừa khổ vừa vui làm giới, Phật lấy chẳng khổ chẳng vui làm giới.

Từ câu “Biết sắc là tướng hoại v.v...” trở xuống là nói rộng y cứ theo âm.

Phân biệt các sắc có vô lượng tướng hoại gọi là bậc Thượng trí. Trong đó sắc của sáu đường hoại pháp thiên và định. Sắc của Nhị thừa hoại nhân và quả. Sắc của Bồ-tát phá hoại hữu hoại vô. Sắc của Phật phá hoại các hoại trên. Hoại là pháp giới, chẳng hoại chẳng phải chẳng hoại, cũng đều là pháp giới. Lại sắc của sáu đường phá hoại các pháp vui, sắc Nhị thừa phá hoại khổ, sắc của Bồ-tát phá hoại cả hai đúng, sắc của Phật hoại cả hai sai.

Biết thọ là tướng giác gọi là người Trung trí, phân biệt thọ có vô lượng tướng gọi là người Thượng trí. Trong đó thọ của sáu đường là thọ thuận, thọ nghịch, thọ chẳng thuận nghịch, nếu nghịch thì khởi sân giác, nếu thuận thì khởi tham giác, nếu chẳng thuận chẳng nghịch thì khởi si giác. Thọ của Nhị thừa thì đối với ba giác, mỗi giác đều khởi năm phần Pháp thân, trong đó giai vị Tu-đà-hoàn mới là giác ngộ vô lậu. Thọ của Bồ-tát là thọ Phật pháp thì biết mười lực, bốn vô úy, các Ba-la-mật. Khi thọ chúng sinh thì giác biết bốn tâm vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả. Thọ của chư Phật là tự giác giác tha, ngay nơi giác mà bất giác, chẳng giác

chẳng phải chẳng giác, tất cả đều là pháp giới.

Biết tướng là tướng chấp thủ gọi là Trung trí, phân biệt chấp thủ này có vô lượng tướng gọi là người Thượng trí. Chấp lấy của sáu đường là chấp thủ nhân, ngã, chúng sinh, thọ mạng, sắc, hương, vị, xúc. Chấp thủ của Nhị thừa là chấp vô thường, khổ, không, vô ngã, Niết-bàn. Chấp thủ của Bồ-tát tức chẳng chấp hai bên, chỉ giữ lấy Trung đạo. Chấp thủ của Như Lai là chẳng chấp chẳng phải chẳng chấp, tất cả đều là pháp giới.

Biết hành tướng là tạo tác gọi là Trung trí, phân biệt hành có vô lượng tướng mà Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết được, đó là người Thượng trí. Hành của sáu đường tạo tác ra hai mươi lăm hữu. Hành của Nhị thừa tạo ra Niết-bàn. Hành của Bồ-tát tạo các Ba-la-mật. Hành của chư Phật tạo mà chẳng tạo, tức chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, tạo tác đều là pháp giới.

Biết thức phân biệt gọi là Trung trí, phân biệt thức có vô lượng tướng biết thì đó là người Thượng trí. Trong đó, phân biệt của sáu đường là chấp chặt đây kia, uống đắng ăn độc. Phân biệt của Nhị thừa là nhằm lia sinh tử, đắm mê Niết-bàn. Phân biệt của Bồ-tát là hai bên hội nhập Trung đạo. Phân biệt của chư Phật thì chẳng phải biên, chẳng phải trung. Văn y theo Khổ đế đã hết.

Thứ hai là biết ái làm nhân duyên sinh ra các ấm là người Trung trí, biết tất cả ái gọi là Thượng trí. Ái của sáu đường là nhân duyên của các ấm thân sau. Ái của Nhị thừa là nhân duyên của năm phần Pháp thân. Ái của Bồ-tát là Vô đẳng đẳng sắc cho đến Vô đẳng đẳng thức. Ái của chư Phật là nhân duyên cõi sắc cho đến thức Giải thoát.

Thứ ba, biết phiền não diệt là người Trung trí, biết diệt phiền não cũng chẳng thể tính lường gọi là người Thượng trí. Phạm phu sáu đường cũng có diệt nhưng lại sinh. Diệt của Nhị thừa thì như tro lạnh chẳng còn khởi. Bồ-tát thì tự mình đã diệt lại khiến cho người cũng diệt được phiền não. Diệt của chư Phật thì một diệt tất cả diệt, tức là pháp giới.

Thứ tư, biết đạo lia bỏ phiền não gọi là Trung trí, phân biệt vô lượng vô biên phiền não năng lia là Thượng trí. Đạo của sáu đường lia ác của thiện, lia thiện của ác. Đạo của Nhị thừa lia vô lậu của lậu. Đạo của Bồ-tát thì lia trung của hai bên. Đạo của chư Phật thì chẳng lia chẳng đến. Vì sao? Vì tất cả các pháp là Phật đạo, động thì thấy tu đạo phẩm, bất động thì cũng thấy tu đạo phẩm, vừa động vừa bất động cũng thấy tu đạo phẩm, chẳng phải động thấy, chẳng phải bất động cũng thấy tu đạo phẩm v.v... Đó là phân biệt vô lượng Tứ Thánh đế.

Từ câu “Biết thế đế v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, kết luận bốn vô lượng thành hai vô lượng. Văn có hai: Một, là nói về Nhị đế; hai, là nói về tuệ Nhị đế. Thứ nhất nói về Nhị đế.

Văn kinh nói biết thế đế là bậc Trung trí, phân biệt thế đế có vô lượng vô biên là người Thượng trí; biết rõ ba Pháp ấn là Trung trí, biết Đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên chẳng thể so lường là bậc Thượng trí. Người thế gian chỉ nói Đệ nhất nghĩa đế, chân đế Niết-bàn chỉ được một, chẳng được hai, huống chi là vô lượng vô biên.

Nay văn kinh nói Đệ nhất nghĩa đế chẳng thể tính kể, đâu chỉ là một loại. Ở đây nói vô thường Niết-bàn v.v... là chân đế, khác với các nhà Số Luận. Số Luận cho rằng bốn Đế, mười sáu đế đều thấy chân, đắc được quả Thánh, đều là Đệ nhất nghĩa. Các Luận gia cho rằng chỉ một vô ngã mà thông cả chân tục, còn tất cả đều là Thế đế, nhưng theo đó đều gọi là chân, vì vô thường mà dứt hết các điên đảo thường lạc, v.v... Khổ tập thì tùy chân, nên theo đó mà gọi là Chân.

Kinh Tịnh Danh nói: “Chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường, đều là Thật tướng, đều là Đệ nhất nghĩa, lại là ba pháp ấn”.

Từ câu “Bấy giờ, Văn-thù v.v...” trở xuống là thứ hai, nói về tuệ Nhị đế. Đầu tiên đưa ra sáu loại Nhị đế xưa giải thích: Hữu không, Hư thật, Thế lưu bố (cũng gọi là tùy sự), Tương tục, Tương đãi và Nhân sinh.

Hữu không chỉ cho Đại phẩm, Hư thật và Lưu bố chỉ cho A-tỳ-đàm, Tương tục, Tương đãi và Nhân sinh chỉ cho luận Thành Thật. Và lại, giải thích ý thì đồng mà tên thì khác như: Phạm thánh, Hư thật, Không hữu, Giả thật, Sự lý, Thân sơ. Xưa giải thích rằng: tục là phù hư, Chân là chân thật, Thế là một đời, Đệ nhất nghĩa là không có lỗi, Tục đối đãi với chẳng tục, chẳng tục gọi là Chân, Chân đối đãi với chẳng Chân, chẳng Chân gọi là Tục. Hư thật đối đãi thì danh từ chân tục sinh. Có người hỏi rằng Chân là chân thật thì có thể gọi là Đế, còn Tục là phù hư thì sao gọi là đế được?

Đáp rằng: có chân thật và phù hư.

Nếu thế thì nghĩa đế có hai: Tục thì dùng Phù hư để giải thích đế; Chân thì dùng Thật để giải thích đế. Hưng Hoàng cho rằng Đế không hề có hai, vì duyên nên có hai, tục đối với Phạm là thật, chân đối với Thánh là thật, đều dùng thật để giải thích Đế, chứ chẳng lấy phù hư. Nay hỏi: Chân đối với Thánh là thật, Thánh có trí Chân chiếu thì có thể gọi là Đế. Phạm đối với Tục là thật, phạm không có trí chiếu Tục, thì đâu được gọi là Tục đế. Nếu Phạm không có trí chiếu Tục mà đối

với Tục là thật, được gọi là Tục đế, vậy phàm không có trí chiếu chân, đối với Chân cũng là thật, lẽ ra cũng được gọi là Chân đế. Phàm đối với Chân không có trí, chẳng gọi là Chân đế, thì phàm đối với Tục vô trí thì đâu được gọi là Tục đế. Vả lại, thánh đối với Chân là thật gọi là Đế, vì sao Thánh đối với Tục chẳng thật mà chẳng được gọi là Đế? Cho nên bậc Thánh không có quyền trí, nay nói đế lại là xét thật. Kinh Tịnh Danh nói: “Tứ đế là Bồ-đề chẳng lưỡng đối”, tức là xét thật này lại có tùy tình xét thật và tùy trí xét thật. Vì tùy tình trí xét thật nên tùy phàm tùy thánh, theo chân theo tục thì gọi là Đế. Ví như một sắc mà phàm phu cho là hữu, hiền thánh cho là không. Như một mặt trời mà kẻ say người tỉnh thấy chuyển và chẳng chuyển khác nhau. Nghĩa một đế hai đế cũng giống như thế. Xưa nói hai đế chỉ là một thể chẳng khác. Long Quang cho rằng đã nói là hai đế, thì lại là một thể ư? Hai đế có hai thể cũng đều thông, trong đó duyên giả pháp là thế thể, lý vô tướng là chân thể. Tuy có hai thể mà có thật tướng tức tục, tuy danh tướng chẳng phải danh tướng, thật không có danh tướng mà chẳng ngại danh tướng. Lại nói hai đế một thể, Không là gốc của lý, nên lấy Chân làm thể, Tục làm dụng. Hoặc nói từ tục mà có chân, tục là thể, chân là dụng.

Khai Thiện cho rằng hai đế đều dùng Trung đạo làm thể. Các nghĩa này chẳng đúng. Nếu có hai thể, thì thế đế chẳng phải là bậc nhất, bậc nhất chẳng phải là thế đế. Cho nên chẳng tương tức, chẳng được có tương tức. Nếu là một thể chỉ là một đế không có hai đế. Nếu hai đế thì lấy Trung đạo làm thể, thì chấp tướng chướng chân, vô tri chướng tục, còn cái gì là chướng trung? Trí hai đế chẳng thể thấy Trung thì đâu được lấy đó làm thể. Nếu hai đế hai thể thì hai thể khác nhau, chẳng nói về tức nhau. Nếu hai đế một thể thì chỉ là một đế, vậy tức nhau với cái gì?

Kinh Nhân Vương Bát-nhã nói: “Nhị đế chẳng tức nhau, giống như hai sừng trâu”. Đại Phẩm nói: “Ngay nơi sắc là không”. Kinh Tịnh Danh ghi: “Năm thọ ấm rỗng không, chẳng sinh khởi, đó là nghĩa khổ”. Kinh này đều nói hai đế tức nhau.

Xưa hợp bốn Đế thành hai đế, có chỗ nói Khổ Tập thế gian là thế đế, Đạo diệt xuất thế là chân đế. Có chỗ nói ba Đế là thế đế, chỉ có diệt đế là chân đế. Hoặc nói bốn Đế là thế đế, tức thế đế là chân đế. Văn kinh ghi: “Biết khổ chẳng phải khổ mà có chân đế, ba Đế kia cũng giống như thế”.

Nay nói không chỉ bốn Đế khai hợp khác nhau, mà hai đế khai hợp cũng chẳng phải một, về sau sẽ nói rõ. Đoạn văn này gồm hai phần

hỏi đáp. Một gồm có ba: một, là xét định; hai, là từ câu “Bạch Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống là định hai đế có trong nhau chẳng.

Thứ ba, từ câu “Nếu có v.v...” trở xuống là vấn hỏi hai ý.

Vấn hỏi rằng: Nếu nói có tức là nhất đế, chân tục tức nhau, nên trong chân có tục, trong tục có chân. Hai đế chẳng khác nhau, nên nói là như một. Nếu nói không tức là lưỡng đối. Thật ra nói có, nói không, nhất định là một, nhất định là khác, đều là lưỡng đối, đều có ra từ kinh mà hiển bày cho nhau. Nếu nhất định có, nhất định không thì thành đoạn thường lưỡng đối.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là Như Lai trả lời.

Hai đế tức nhau, chẳng đoạn chẳng thường, chắc chắn chẳng phải lưỡng đối.

Từ câu “Bạch Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống là phần hỏi đáp thứ hai.

Ý hỏi là thành một đế ư? Cho nên mới nói là không có hai đế. Như dài ở trong ngắn thì không còn dài, chân tại tục thì mất chân, chỉ thành một đế.

Đức Phật đáp có hai ý: Một là, được nói về đại ý. Lý thật Trung đạo chỉ có một thể, dùng phương tiện tùy duyên khéo léo mà nói có hai.

Hai là, từ câu “Nếu tùy ngôn thuyết v.v...” trở xuống là phần thứ hai, giải thích rộng, có tám loại:

- 1/ Thế, xuất thế
- 2/ Danh, vô danh
- 3/ Thật, chẳng thật
- 4/ Định, bất định
- 5/ Pháp, chẳng phải pháp
- 6/ Cháy, chẳng phải cháy
- 7/ Khổ, chẳng phải khổ
- 8/ Hòa hợp.

Cũng có thuyết lập sáu thứ hai Đế. Như nói các đế không hữu, hư thật v.v... đều nói hai lý có hư có thật rõ ràng nên chẳng phải ý kinh. Nay văn kinh nói: “Thuận theo chúng sinh mà nói hai đế”. Như tùy người say mà nói mặt trời xoay chuyển, thì nên dùng ý này để giải thích văn kinh. Có Sư cho rằng bảy loại mỗi loại khác nhau. Nay nói bảy loại hai đế do Đại sư Trí Giả lập ra, danh tuy chẳng đồng, mà nghĩa hội về một, đó là: Sinh diệt, vô sinh, thiên tục phức chân, thiên tục thiên trung, phức tục thiên trung, phức tục phức trung, viên hai đế.

Nếu theo văn của Pháp Hoa Huyền Nghĩa thì danh tướng hơi khác mà ý nghĩa đều đồng, người đọc nên biết. Lại trong mỗi loại đều có ba loại là: tùy tình, tùy trí và tùy tình trí, nay muốn dùng bảy loại hai đế này để giải thích văn kinh.

Ý nghĩa của Phật khó biết, nay nêu lên kiến giải của một Sư mà thôi. Tám loại chẳng đồng tức gồm tám đoạn. Thứ nhất là y cứ theo hai hạng người là thế gian và xuất thế gian để xét định hai đế, mà bao gồm đến bảy loại sau.

Mỗi loại hai đế đều có hai ý này. Thế tình nhiều tướng nên gom vào Thế đế. Đây là y cứ vào tùy tình trí mà xét định hai đế.

Kế là từ câu “Năm ấm hòa hợp v.v...” trở xuống là y cứ vào danh, vô danh để xét định.

Tổng hợp các ấm thì gọi là sinh, thuộc về thế đế, tức ấm lìa ấm, biết như thật tánh tức chân đế. Đây là y cứ theo tứ đế hữu tác mà lập.

Thứ ba, là từ câu “hoặc có pháp v.v...” trở xuống.

Kia nói Thế đế có danh, các danh gọi là thế, vật ứng với danh. Chân đế chỉ có danh mà không có thật, nay văn này trái với điều ấy. Thế đế chỉ có danh suông mà không có chân thật, chẳng sinh chẳng diệt, tương xứng với pháp tức là chân đế; chẳng thế ngay nơi sắc mà không, cho nên có danh mà vô thật, năng tức sắc là không nên có thật có danh. Đây là y cứ theo Tứ đế vô sinh mà lập.

Thứ tư, nói tuổi thọ chúng sinh như vòng lửa xoay tròn, là y cứ theo đơn tục phức chân đế nói về hai đế.

Giả danh, huyền hóa, sóng nắng, vòng lửa quay chỉ có danh mà không có thật, hợp với thế lưu bố tức là thế đế. Chân và trung hợp thành chân đế. Nếu chỉ lấy chân làm Đệ nhất nghĩa thì chẳng được nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo là Đệ nhất nghĩa, đều chỉ cho bốn Đế, tức chân và trung hợp. Đây là nói trong vô lượng Tứ đế, chân và trung đồng là Đệ nhất nghĩa đế. Văn trước nói: “Đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên, chẳng thể so lường”.

Thứ năm, Từ câu “Thế pháp có năm v.v...” trở xuống là y cứ thiên tục thiên trung đế nói về Nhị đế.

Văn trên dùng sóng nắng, vòng lửa, v.v... để dụ cho nhân và ngã của Thế đế. Năm pháp như vòng lửa, vòng lửa dụ cho pháp; pháp dụ đồng nêu đồng là thiên tục. Tâm không điên đảo biết như thật, tức thiên chỉ Trung đạo cho là như thật. Đây là nói về khổ tập của hữu tác và vô sinh là tục, chỉ Nhất thật đế ở sau là chân.

Thứ sáu, Từ câu “Này thiện nam! Hoặc đốt hoặc cắt, v.v...” trở

xuống là căn cứ theo phức tục thiên trung để nói về hai đế.

Hoặc đốt, hoặc chết là nói về trước sau của Thể pháp đầu cuối: hoặc cắt, hoặc hoại là nói về đầu cuối của pháp phân tích. Tức lấy hai trước làm hữu, hai sau làm vô. Hữu vô này hợp làm Tục, tức là phức tục, thiên chỉ cho trung đạo phi hữu phi vô, cho nên không đốt cắt, tức là Đệ nhất nghĩa, là nói chân tục của hữu tác vô sinh ở trên đều là tục, chỉ có Nhất thật đế ở sau là chân.

Thứ bảy, từ câu “Có tám tướng khổ v.v...” trở xuống là y cứ theo phức tục đơn trung để nói về hai đế.

Về phức tục thì như trước đã nói, còn phức trung tức chẳng phải thiên chỉ lý, ngay nơi sự mà lý, pháp giới tròn đầy gồm đủ, gọi là phức trung. Đây là hợp chân và tục của hữu tác vô sinh là tục, chỉ có nhất thật không thể nghĩ bàn nói ở sau mới là chân đế. Tuy văn kinh chẳng hiển, nhưng theo nghĩa suy mà tự thành. Nhưng một phần hỏi đáp này vẫn còn là hai đế phức tục phức trung.

Thứ tám, từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống gồm dụ và hợp, nói về hai đế tròn đầy.

Chân tục tức nhau đều chẳng thể nghĩ bàn, thí như cha mẹ hòa hợp sinh con. Một người nhiều tài năng dụ cho viên tục, mười hai nhân duyên hòa hợp, ba đạo tức ba đức, tức Đệ nhất nghĩa, dùng để hiển bày cho viên chân. Đó gọi là không thể nghĩ bàn hai đế, tất cả hai đế đều nhập vào trong đó. Vì phương tiện tùy tục mà nói các loại hai đế có vô lượng vô biên, nhưng chỉ nói bảy loại đầu có gì phải kinh ngạc. Nếu biết được như thế thì gọi là Tuệ Thánh hạnh. Xưa nay đều mê lầm vẫn nói về hai đế này. Nay lại nghĩ dùng bảy loại đế của Đại sư Thiên Thai để giải thích ý nghĩa tám phần thì hợp với chân, thuận với Thánh tuệ.

Từ câu “Văn-thù-sư-lợi v.v...” trở xuống là phần thứ ba nói về Tuệ Thánh hạnh của Nhất thật đế. Nếu văn trước nêu bốn, nêu hai đồng để hiển Nhất thật, sao chẳng từ bốn Đến ba, mà lại vượt qua ba để đến hai? Chẳng phải không có ba Đế, nhưng văn kinh này gom bốn về hai thì ý nghĩa thích hợp hơn. Nếu thúc bốn về ba thì ý nghĩa có chút bất tiện nên chẳng nói đến ba Đế.

Có nhiều cách giải khác nhau, ở đây cho quả Phật thường trụ là nhất, nương vào nhất thật đế, dẫn kinh Thắng Man rằng: “Nhất Khổ diệt đế tức là chân thật”. Các sư Địa Luận cho rằng: “Dứt vọng thì hiển bày thức A-lại-da, tức là chân thật”. Các sư Trung Giả cho rằng: “Dứt đoạn thường, bày Trung đạo là Nhất thật đế”. Hưng Hoàng thì chẳng dùng các nghĩa này, vì năng y sở y của quả Phật đâu phải là nhất thật?

Vọng hoặc và A-lê-da là một hay là khác? Nếu là một thì đã dứt vọng hoặc cũng dứt cả A-lê-da, nếu là khác thì đối với vọng mà nói thật, đâu có một thật. Đối với biên mà nói trung, thì trung lại thành biên, cũng chẳng phải nhất thật. Nhưng tất cả pháp đều không, rốt ráo thanh tịnh, thật đã vô sở hữu thì không hề có thật và chẳng thật, đế và chẳng đế, tất cả chỉ là duyên phương tiện mà giả lập ngôn giáo. Theo văn kinh thì chính là dùng một đại thanh tịnh làm Nhất thật đế, là pháp chánh chân. Cho nên kinh Hoa Nghiêm ghi: “Pháp tánh xa lìa”. Cho nên hôm nay nói: Nếu nói chẳng phải kia là đây thì chẳng phải là Nhất thật đế. Nếu tùy duyên mà nói khác nhau thì mới đạt được ý mà không phạm lỗi. Văn kinh hiển nhất thật rất rõ ràng. Văn được chia làm hai: một, là nêu tông; hai, là luận nghĩa. [Thứ nhất có hỏi và đáp.

Trong phần đáp có tám lần nêu “này Thiện nam”, hai lần đầu cộng thành nghĩa thứ nhất. Cho nên có bảy nghĩa khác nhau.

Thứ nhất y cứ theo cảnh.

Thứ hai, y cứ vào tâm.

Thứ ba, y cứ theo ngôn thuyết. Nói thêm rằng cũng có thể nói y cứ theo ngôn hạnh.

Thứ tư là y cứ theo người.

Thứ năm là y cứ theo giáo.

Thứ sáu, là y cứ theo nhân duyên.

Thứ bảy là y cứ theo quả thể.

Từ câu “Bồ-tát Văn-thù v.v...” trở xuống là thứ hai, nói về nghĩa, có bảy chương. Đầu tiên là y cứ theo cảnh để nói về nghĩa, có hỏi và đáp. Trong câu hỏi trước là lãnh giải và thưa hỏi.

Nhìn qua thì dường như hỏi ba pháp: Như Lai, hư không và Phật tánh có khác nhau, nhưng xét theo lời đáp ở sau thì chính là hỏi ba pháp trên và Nhất thật đế có gì khác nhau.

Phật đáp có ba ý:

1/ Xướng chương môn .

2/ Giải thích.

3/ Kết luận.

Thứ nhất là xướng chương môn, lại có hai: Một là xướng bốn Đế của giáo xưa; hai là xướng Nhất thật giáo nay.

Hưng Hoàng gọi môn thứ nhất là môn Thật diệt, kế là môn Diệt thật. Theo giáo thì nói là Thật diệt, theo lý thì nói là Diệt Thật, cũng là lấy thật trong giáo Tứ đế làm Thật đế. Vì hư không, Phật tánh đều là lý thật, tức là Đế thật, nên gọi là Đế. Thứ nhất là xướng bốn Đế của

giáo xưa.

Mỗi đế có ba câu: Khổ là cảnh khổ, Đế là giáo khổ, cũng là trí khổ, Thật là lý Khổ đế vì không hai là thật. Lại nói: Trừ một câu nói khổ, hai câu còn lại cũng được chắc chắn là thật. Lại chỉ dùng thật trừ hai câu kia, chỉ dùng thật là Đế.

Từ câu “Như Lai v.v...” trở xuống là chương hai, đề xướng môn Nhất thật.

Ba thứ đều là thật. Chẳng phải khổ tức chẳng phải cảnh, chẳng phải đế tức chẳng phải giáo, là thật tức là lý. ba Đế sau cũng như thế. Như Lai, hư không và Phật tánh cũng như thế. Khi hiển là Như Lai, khi ẩn gọi là Phật tánh, hư không thì ẩn hiện chẳng khác.

Từ câu “Nói khổ v.v...” trở xuống là phần thứ hai giải thích hai môn, chỉ y cứ theo bốn Đế, nên gồm bốn phần riêng. Trong mỗi đế, trước đều có giải thích Thật đế, Thật đế đây tức là thật trong bốn Đế của giáo xưa, kể là giải thích đế thật, tất cả đều như văn kinh.

Từ câu “Có khổ, v.v...” trở xuống là kết luận đúng sai, có hai:

Kết luận ba pháp khác bốn Đế, cho nên Đế là thật.

Kết luận ba pháp hữu vi vô lậu, cho nên thật.

Nói có khổ tức Khổ đế, nhân khổ tức Tập đế, khổ tận tức Diệt đế, đối trị khổ là Đạo đế.

Hỏi: Chẳng hư chẳng thật thì gọi là Thật, vậy chẳng hư chẳng thật thì lẽ ra phải gọi là Đế?

Đáp: Đúng như lời vừa hỏi.

Hỏi: Nếu hai đế bình đẳng, vì sao Nhị thừa gọi là Đế, Như Lai gọi là Thật?

Đáp: Cho và đoạt khác nhau. Nhị thừa biết rõ khổ này, lại biết khổ chẳng phải khổ, nên cho gọi là Đế, nhưng chưa tận cùng lý thật, nên đoạt mất từ thật.

Từ câu “Văn-thù bạch Phật v.v...” trở xuống là giải thích môn y cứ theo tâm. Trước hỏi, sau đáp.

Ý hỏi rằng: Đế có gồm thâm các điên đảo chẳng? Nếu gồm thâm, vì sao nói chẳng điên đảo là thật, nếu chẳng nhiếp thì trái với lời nói ở trước, là gồm thâm hết các pháp, tiến lùi hai đường đều phạm lỗi.

Nhưng văn sau nói gồm vào Khổ tập, mà ở đây chỉ nói về Khổ đế, vì chỉ y cứ theo nghĩa quả báo từ nhân sinh.

Phần hỏi đáp thứ ba giải thích chương y cứ theo ngôn thuyết.

Trong đó có hai việc rất dễ thấy. Nói thêm rằng: Xét lời Phật đáp thì đã y theo dứt hoặc, tức là biết đã y cứ theo hạnh.

Từ câu “Bồ-tát Văn-thù nói, v.v...” trở xuống là phần thứ tư, y cứ theo người để làm câu hỏi.

Điều mà Nhị thừa nói là Thật, không Thật.

Đức Phật chẳng quyết định là thật hay chẳng thật, chỉ y cứ theo bên dứt hoặc là thật, mà chẳng phải nghĩa thường trụ nên chẳng thật.

Từ câu “Văn-thù-sư-lợi, v.v...” trở xuống là phần thứ năm, y cứ theo giáo để vấn hỏi.

Lời ma nói có gồm trong Thánh đế chăng?

Ý Phật đáp thuộc về bốn Đế, ma nói thuộc về Khổ đế và Tập đế.

Hỏi: Hai mươi lăm đế của ngoại đạo thuộc về đế nào? Lại lời nói của ngoại đạo sẽ phá hoại mấy đế trong bốn Đế?

Đáp: Ở đây nói chỉ hoại Khổ và Tập, chẳng hoại Đạo và Diệt. Vì sao? Vì ngoại đạo nói: Đầu tiên từ minh sinh giác, sau đó sinh năm đại, năm vi, v.v... sinh giác là nhân hoại Tập đế của Phật. Đại và vi là quả hoại Khổ đế của Phật pháp.

Từ câu “Văn-thù-sư-lợi, v.v...” trở xuống là thứ sáu, giải thích môn y cứ theo nhân thể.

Ngài Văn-thù lặp lại lời Phật: “Nhất đạo thanh tịnh là Thật đế”. Rồi ngoại đạo cũng nói: “Nhất đạo thanh tịnh là Thật đế”.

Ý Phật đáp là ngoại đạo chỉ có Khổ, Tập mà không có Diệt Đạo. Trong chẳng phải diệt mà nghĩ là diệt tức gượng chấp Phi tướng là Niết-bàn; chẳng phải đạo mà nghĩ là đạo, tức vọng chấp các giới gà, giới chó là đạo; chẳng phải quả cho là quả tức là chấp muôn vật là quả của vị trần thế tánh; chẳng phải nhân tướng nhân, tức vọng chấp thế tánh như cát bụi là nhân của muôn vật.

Hỏi: Trước nói chẳng hoại Diệt và Đạo, nay nói chấp phi tướng, giới gà, giới chó v.v... thì chẳng phải là hoại sao?

Đáp: Ở đây là khởi vọng chấp ngang trái, trước nói thì chẳng phải như thế. Kia nói hai mươi lăm đế là nói thẳng vào minh sơ sinh giác v.v... trong sáu đế chỉ nói chủ đế, y đế, đâu có chỗ nào nói chấp Phi tướng và giới chó, cho nên biết chẳng hoại hai đế Đạo Diệt.

Lại hỏi: Ngoại đạo có khổ đế, vì sao trước nói phạm phu có khổ, không có đế?

Đáp: Chỉ nói có cảnh khổ là Khổ đế, chứ chẳng phải là trí khổ.

Từ câu “Bồ-tát Văn-thù, v.v...” trở xuống là giải thích môn y cứ theo quả thể, gồm có hỏi và đáp. Trong phần hỏi có ba:

1/ Nói ngoại đạo có bốn đức.

2/ Giải thích.

3/ Kết luận.

Thứ nhất như văn kinh ghi.

Từ câu “Vì sao v.v...” trở xuống là giải thích. Có hai mươi bốn lần chấp có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, tức có bốn phần:

1/ Tám lần chấp có Thường.

2/ Năm lần chấp có Lạc.

3/ Ba lần chấp có Tịnh.

4/ Tám lần chấp có ngã.

* Nói về tám lần chấp Thường:

1) Vì đều có nhân quả nên biết là có Thường.

2) Nêu nhân sát sinh phải chịu quả báo xấu cho nên Thường.

3) Y cứ vào năng chuyên niệm cho nên thường.

4) Nêu sự nhớ nghĩ y cứ theo sở niệm.

5) Nêu tu tập.

6) Nêu số tính.

7) Y cứ theo đọc tụng.

8) Y cứ theo hình tướng, như văn kinh.

* Kế là chấp Lạc có năm loại.

Thứ nhất y cứ theo nhân quả.

Thứ hai y cứ theo tâm có cầu.

Thứ ba y cứ theo nhân có lạc.

Thứ tư y cứ theo duyên của lạc.

Thứ năm y cứ theo ba phẩm.

* Ba lần chấp có Tịnh:

1) Y cứ theo nhân của tịnh.

2) Y cứ theo duyên của tịnh.

3) Y cứ theo vật chứa tịnh.

* Tám phần chấp có Ngã:

1) Y cứ theo tạo tác.

2) Y cứ theo tướng mạo.

3) Y cứ theo phân biệt mùi vị.

4) Y cứ theo tạo tác làm việc.

5) Y cứ theo tâm mong cầu được sữa.

6) Y cứ theo tên gọi.

7) Y cứ theo việc ngăn ngại.

8) Y cứ theo bề bạn.

Từ câu “Bạch Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống là phần thứ ba tổng

kết nói ngoại đạo lẽ ra có thật để.

Từ câu “Phật nói v.v...” trở xuống là Như Lai đáp. Văn có ba đoạn là sơ lược, giải thích rộng và kết luận. Đầu tiên hai ý là bác bỏ và giải thích. Thứ nhất là bác bỏ, như văn kinh.

Kế là, từ câu “Vì sao v.v...” trở xuống là giải thích vì sao bác bỏ.

